So sánh các Bộ Luật Tỳ-kheo (Bình Anson)

Luật Vinaya & Giảng Giải (Nam truyền)

BuddhaSasana budsas.net Chuyển sang dạng PDF bởi Thế Giới Phật Giáo .org (quốc tế)

So sánh tóm tắt các bộ Luật Tỳ-kheo Bình Anson

Dưới đây là bảng tóm tắt so sánh các bộ Luật Tỳ-kheo hiện đang lưu hành: Tỳ-kheo giới:

Phân loại Luật Luật Luật Luật Luật Luật Pali Tứ Thập Ngũ Tăng Hữu (1) Phần Tụng Phần Kỳ Bộ (2) (3) (4) (5) (6)

Cực ác pháp 4 4 4 4 4 4 Parajika Ba-la-di

Tăng tàn pháp 13 13 13 13 13 13 Sanghadisesa Tăng-già-bà-thi-sa

Bất định pháp 2 2 2 2 2 2 Aniyata

Xả đọa pháp 30 30 30 30 30 30
Nissaggiya
Pacittiya
Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề
Đơn đọa pháp 92 90 90 91 92 90 Pacittiya Ba-dật-đề

Hối quá pháp 4 4 4 4 4 4 Patidesaniya Ba-la-đề Đề-xá-ni

Chúng học pháp 75 100 113 100 66 99 Sekhiya Thức-xoa Ca-la-ni

Diệt tránh pháp 7 7 7 7 7 7 Adhikaranasamatha

Tổng cộng 227 250 263 251 218 249

Tỳ-kheo ni giới:

Phân loại Luật Luật Luật Luật Luật Luật Pali Tứ Thập Ngũ Tăng Hữu (1) Phần Tụng Phần Kỳ Bộ (2) (3) (4) (5) (6)

Cực ác pháp 8 8 8 8 8 8 Parajika Ba-la-di

Tăng tàn pháp 17 17 17 17 19 20 Sanghadisesa Tăng-già-bà-thi-sa

Xả đọa pháp 30 30 30 30 30 33
Nissaggiya
Pacittiya
Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề
Đơn đọa pháp 166 178 178 210 141 181 Pacittiya Ba-dật-đề

Hối quá pháp 8 8 8 8 8 11 Patidesaniya Ba-la-đề Đề-xá-ni

Chúng học pháp 75 100 107 100 77 98 Sekhiya Thức-xoa Ca-la-ni

Diệt tránh pháp 7 7 7 7 7 7 Adhikaranasamatha

Tổng cộng 311 348 355 380 290 357

Ghi chú:

a) Bảng trên được dựa theo:

- Thích Minh Thành, "Tỳ Kheo Giới Yếu Giải", Giáo trình Luật học Cơ bản - Tập IV, Sài gòn, 1993. Thích - Thích Thanh Kiểm, "Luật Học Đại Cương", Sài gòn, 1991.

b) Về các bộ Luật:

(1) Luật Pali: Bộ Luật của Phật giáo Nguyên thủy Theravada. Xin xem thêm:

- Bhikkhu Dhammavuddho, "The Buddhist Monk's Precepts", Penang, Malaysia, 1988. - Bhikkhu Ariyesako, "The Bhikkhus' Rules - A Guide for Laypeople", Melbourne, Australia, 1999. - Bhikkhu Thanissaro, "The Buddhist Monastic Code - The Patimokkha Training Rules", California, USA, 1999. - Tạng Luật, Tỳ kheo Indacanda Nguyệt Thiên dịch, Sri Lanka, 2004.

(2) Luật Tứ Phần của Pháp tạng bộ (Đàm-vô-đức, Dharmaguptaka), do ngài Phật-Đà-Da-Xá (Buddhayasas) dịch . Đây là bộ Luật phổ thông nhất trong các quốc gia Phật giáo Đại thừa.

(3) Luật Thập Tụng của Hữu bộ (Tát-bà-đa, Sarvastivada), do ngài Phất-Nhã-Đa-La (Punyatara) dịch .

(4) Luật Ngũ Phần của Hóa địa bộ (Di-sa-tắc, Mahisasaka) , do ngài Phật-Đà-Thập (Buddhajiva) dịch .

(5) Luật Tăng Kỳ của Đại chúng bộ (Ma-ha Tăng-kỳ, Mahasanghika), do ngài Phật Đà-Bạt-Đà-La (Buddhabhadra, Giác Hiền) dịch .

(6) Luật Hữu Bộ của Da-Du-La (Căn Bản) Thuyết Nhất Thiết Hữu bộ (Mula-Sarvastivada).

c) So sánh 5 bộ Luật đang lưu hành trong Phật Giáo Bắc Tông - từ (2) đến (6), Hòa thượng Thích Trí Quang viết:

- ... "Muốn biết giữa 5 bộ luật như thế nào thì sơ khởi hãy đem giới bản của 5 bộ ra mà so sánh chút ít. Tỷ-kheo giới có 8 loại: 1 là khí, 2 là tăng tàn, 3 là bất định, 4 là xả đọa, 5 là đọa, 6 là hối quá, 7 là học pháp, 8 là diệt tránh. Trong 8 loại này, chỉ có 2 loại 5 và 7 là 5 bộ khác nhau: loại 5 thì Tứ phần, Thập tụng và Hữu bộ đều có 90, Ngũ phần có 91, Tăng kỳ có 92; còn loại 7 thì Ngũ phần và Tứ phần có 100, Tăng-kỳ (Ma-ha-tăng-kỳ, Mahasaghika) có 66, Thập tụng có 113, Hữu bộ có 42. Nhìn đại khái, giới điều quan trọng thì 5 bộ như nhau, giới điều linh tinh mới khác nhau. Nhìn thêm chút nữa, giới bản của Tăng-kỳ, Ngũ phần và Thập tụng thì lời kệ mở đầu và kết thúc đều như nhau, chỉ Tứ phần với Hữu bộ mới khác nhau. Xét văn tự thì Tứ phần có chậm nhất, xét bộ phái thì Tăng-kỳ có sớm nhất. Theo ngài Pháp hiển ghi thì "luật Tăng-kỳ này khi Phật tại thế được đại chúng đầu tiên tuân hành, được lưu truyền tại tinh xá Kỳ-hoàn"."

So sánh với Luật Pali, phần lớn sự khác biệt là ở Chúng học pháp (Sekhiya), trong đó, Luật Pali không đề cập đến 26 giới điều ứng xử về tháp Phật và tượng Phật (Tứ Phần, Chúng học pháp: điều giới số 60 đến 85). Có thể tham khảo quyển sách của Bhikkhu Dhammavuddho nêu trên.

So sánh Luật Tỳ-kheo và Tỳ-kheo Ni, đơn đọa pháp của Tỳ kheo Ni có nhiều giới điều hơn.

Xin xem thêm:

- Thích Trí Thủ, "Luật Tỳ Kheo", Sài gòn, 1991. - Thích Trí Quang, "Tỷ Kheo Giới", Sài gòn, 1993. - Thích Hành Trụ, "Luật Tứ Phần Giới Bổn Như Thích", Sài gòn, 1995. - Thích Thiện Siêu, "Cương Yếu Giới Luật", Sài gòn, 1996.

d) Sau đây là phần giải thích sơ lược các học giới - dựa theo Tứ phần luật, trích từ quyển "Cương Yếu Giới Luật" của Hòa thượng Thích Thiện Siêu:

* 4 pháp Cực ác (Ba-la-di):

Bốn Ba-la-di: Ba-la-di, Phạn tự là Pàràjjka, Tàu dịch là "Khí" - bỏ vứt ra ngoài Tăng chúng. Tội Ba-la- di có bốn, là bốn tội phạm vào thì bị bỏ đi, vứt đi. Mắc bốn tội này coi như bỏ ra ngoài Tăng chúng, vì vậy gọi là Khí (vứt bỏ). Phạm tội này gọi là bất cọng trụ, tức không được phép tham dự tất cả công việc của Tăng. Luận Du-dà-sư-địa cho rằng khi phạm bốn tội này gọi là Tha thắng - tức khi phạm tội nầy thì bị Ma thắng. Vì sao? vì người tu sĩ ví như một chiến sĩ chiến đấu với bốn thứ ma: Ma phiền não, ma ngũ ấm, tử ma, thiên ma. Họ đánh bằng khí giới gì? Họ chiến đấu bằng cách hành trì giới luật. Khi người tu sĩ không trì giới, không giữ giới thì thua bốn thứ ma đó, như vậy là Ma thắng. Do đó phạm bốn Ba-la-di cũng gọi là phạm Tha thắng. Tha là kẻ khác, thắng là hơn. Phạm tội để kẻ khác hơn gọi là Tha thắng. Nếu phạm tội này thì Ma hơn. Còn phạm tội dưới tội đây thì còn dằn co, chưa phần thắng bại.

* 13 pháp Tăng tàn (Tăng-già-bà-thi-sa):

Mười ba Tăng tàn: Phạn tự là Samghà-vasena. Phiên âm là Tăng-già-bà-thi-sa. Tàu dịch là "Tăng tàn". Tăng tàn có hai nghĩa:

1. Nghĩa thứ nhất: Giới luật là tính mạng của Tăng. Khi phạm Ba-la-di coi như chết hẳn. Còn nếu phạm Tăng tàn thì như một người chết mà chưa chết hẳn, mới hấp hối thôi, nếu cấp cứu kịp thời, gặp thầy hay thuốc tốt thì có thể cứu được. 2. Nghĩa thứ hai: Phạm giới này nếu đủ hai mươi Tỷ-kheo hợp lại Kiết-ma đúng pháp, cho họ sám hối thì có thể tiêu diệt được tội này, nên gọi là Tăng tàn. Trong Căn bản nhất hữu bộ gọi là Chúng giáo. Chúng là chúng Tăng, giáo là giáo dục. Chúng giáo có nghĩa phải có hai mươi vị Tăng giáo dục cho, cho sám hối thì mới hết tội.

* 2 pháp Bất định:

Hai bất định: Vì sao gọi là Bất định (Aniyata)? Vì không dứt khoát tội đó là Ba-la-di hay Tăng tàn hay Ba-dật-đề. Nó có thể thành tội Ba-la-di hay tội Tăng tàn hoặc Ba-dật-đề theo lời trú tín Ưu-bà-di, là vị nữ cư sĩ có lòng tin thanh tịnh kiên cố, không nhất định

nên gọi là Bất định. Hai tội này chỉ liên hệ giới bất dâm, chứ không liên hệ các giới khác.

* 30 pháp Xả đọa (Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề):

Ba mươi tội Xả đọa: Phạn tự là Nissagiya-pàcittiya. Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề là phiên âm. Tàu dịch là "Xả đọa".

Tội xả và tội đọa. Loại tội này là chỉ các Tỷ-kheo, đồ dùng đó khi phạm vào mà trái phép thì phải đọa. Muốn sám hối tội đó thì phải ở giữa chúng hoặc đối một người mà xả đồ vật lấy dùng trái phép trước rồi sám tội sau.

Nói cách khác, khi đề cập đến tội xả đọa là các vật sở hữu của Tỷ-kheo, như y, bát, tọa cụ... lại không làm thủ tục tác pháp thì phải làm phép xả vật, xả tội, chừa bỏ tâm lý chứa chấp, tàng trữ tài vật để khỏi đọa lạc, nó gồm ba mươi giới. Ai phạm nên đưa các phẩm vật ấy ra giữa Tăng, từ bốn vị trở lên để xả và đối trước một vị Tỷ-kheo để nói tội và xin sám hối.

* 90 pháp Đơn đọa (Ba-dật-đề):

Ba-dật-đề (Pàcittiya). Tàu dịch là "Đơn đọa". Nó liên quan đến các tội tiểu vọng ngữ, cố ý sát hại côn trùng, cùng với nữ nhơn đi chung đường v.v... gồm có chín mươi đơn đọa là tội không dính dáng gì đến vật dụng hết. Phạm thì bị đọa thôi, không cần xả, nên gọi là đơn đọa.

* 4 pháp Hối quá (Ba-la-đề Đề-xá-ni):

Bốn hối quá pháp. Ba-la-đề Đề-xá-ni (Pàtidesanniya), Tàu dịch là "Hướng bỉ hối". Phạm tội này chỉ hướng tới một Tỷ-kheo khác, nói rõ lỗi lầm đã phạm và xin sám hối. Tóm lại là tội nhỏ, có thể hối cải, người phạm có thể nói tội với một Tỷ-kheo khác mà xin sám hối.

* 100 pháp Chúng học (Thức-xoa-ca-la-ni):

Một trăm Học pháp phiên âm Phạn tự là Thức-xoa-ca-la-ni (Sikkhà Karaniya). Tàu dịch là "Chúng học". Chúng học pháp là những pháp cần nên học. Như các sinh hoạt hằng ngày, các oai nghi nhỏ nhặt.... Pháp này chủ yếu là tự trách lấy mình. Đây là tội nhỏ nhặt, tội khó giữ nhưng hết sức dễ phạm. Khi biết phạm thì tự trách lấy mình để ăn năn, tự hứa lần sau không tái phạm là đủ.

* 7 pháp Diệt tránh:

Bảy Diệt tránh pháp, tiếng Phạn là Adhikaramà-samathà. Tàu dịch là "Diệt tránh pháp". Tức bảy phương pháp trị tội hay bảy cách thức để chấm dứt sự tranh cãi giữa chúng Tăng.

-ooOoo-

Bình Anson, Perth, Tây Úc, tháng 10-2000 (Hiệu đính & bổ sung: tháng 10-2004)

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.